

Số: 35 /2010/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 08 tháng 7 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 06/8/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi, hưởng thụ văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh Đồng Nai tại Công văn số 149/HĐND-VP ngày 28/4/2010 về việc cho ý kiến về phí thư viện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Văn bản số 520/SVHTTDL-VP ngày 23/6/2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh về phí thư viện**

Quy định việc thu phí thư viện đối với các tổ chức, cá nhân làm thẻ đọc và mượn tài liệu của thư viện tỉnh, thư viện các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

## **Điều 2. Đối tượng miễn nộp phí**

1. Nhân dân các xã đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa được quy định trong Chương trình 135 của Chính phủ.

2. Người có công với cách mạng: Cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, thân nhân liệt sĩ, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công.

3. Người thuộc diện chính sách xã hội: Người tàn tật, người già cô đơn; các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội; học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

4. Thư viện cấp xã không thu phí để khuyến khích nhân dân đọc sách báo, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa ở cơ sở.

5. Thư viện đa ngành, chuyên ngành không thu phí, các thư viện này chỉ phục vụ nội bộ, không phục vụ bạn đọc bên ngoài.

## **Điều 3. Đơn vị thu phí**

Thư viện tỉnh, thư viện các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

## **Điều 4. Mức thu phí**

1. Đối với người lớn: 20.000 đồng/thẻ/năm.

2. Đối với thiếu nhi (lứa tuổi học sinh tiểu học và THCS): 10.000 đồng/thẻ/năm.

3. Đối với người đọc sử dụng phòng đọc đa phương tiện: 40.000 đồng/thẻ/năm.

4. Đối với các huyện miền núi: Mức thu phí bằng 80% mức quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này.

## **Điều 5. Mức trích phí**

Đơn vị tổ chức thu phí để lại 100% tổng số phí thu được.

## **Điều 6. Chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí**

1. Chứng từ thu phí: Do Cục thuế Đồng Nai phát hành theo quy định tại khoản 1, phần A, mục IV của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí. Tổ chức thu phí phải lập, cấp biên lai cho đối tượng nộp phí thư viện.

2. Thu nộp, quản lý và sử dụng phí: Định kỳ trước ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí thực hiện kê khai kết quả số tiền phí thu được của tháng trước gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu quy định. Số trích phí để lại 100% cho đơn vị tổ chức thu phí được sử dụng theo Điều 8 của Thông tư 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 nhằm phục vụ công tác chỉ làm thẻ bạn đọc, mực in, giấy hện, chi mua sắm vật tư, nguyên liệu, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu phí.

3. Lập dự toán và quyết toán phí: Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí có trách nhiệm lập dự toán thu - chi phí về phí đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo Luật Ngân sách nhà nước hiện hành (dự toán phân khai chi tiết nội dung thu - chi phí đúng quy định và kèm thuyết minh) gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp. Định kỳ cuối quý, năm, tổ chức thu phí phải lập quyết toán thu phí gửi về cơ quan thuế, tài chính cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán. Sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

#### **Điều 7. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

#### **Điều 8. Công khai chế độ thu phí**

Tổ chức thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp phí dễ nhận biết theo quy định tại phần đ, mục IV của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính gồm: Tên phí, mức thu, chứng từ thu, văn bản quy định thu phí.

**Điều 9.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 10.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Thư viện tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 10;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, KT, VX.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Minh Phúc*  
**Trần Minh Phúc**